

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 26 - 11 -2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QU

- **Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Tuyết và bà Trần Thị Thuý Vinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Qu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Phạm Hoàng Thủy T**, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường T, thị xã La G, tỉnh B.

*Bị đơn:* **Anh Trần Phúc Đ**, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn Chánh Hoà, xã N, huyện B, tỉnh Qu.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Hoàng Thủy T trình bày:*

Chị Phạm Hoàng Thủy T và anh Trần Phúc Đ kết hôn vào ngày 22/3/2023 tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường T, thị xã La G, tỉnh B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bắt Đ quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Sự việc bắt đầu từ khi chị T chuyển về nhà bố mẹ để nghỉ sinh. Kể từ thời điểm đó, anh Đ không quan tâm chăm sóc mẹ con chị. Do chị sinh đôi nên việc chăm sóc hai con rất vất vả và khó khăn nhưng anh Đ không quan tâm. Mặt khác, anh Đ không chia sẻ gánh nặng về kinh tế với chị. Đã nhiều lần chị T cố gắng nhắc nhở, hy vọng anh Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị T sống ly thân đã hơn một năm. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh Trần Phúc Đ để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Phúc Hoàng Minh và Trần Hoàng An Như, cùng sinh ngày 01/9/2023. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn anh Trần Phúc Đ: anh và chị Phạm Hoàng Thuỷ T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân A, thị xã La G, tỉnh B vào ngày 22/3/2023 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất Đ quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã. Từ khoảng tháng 4 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị T làm đơn xin ly hôn anh Đ nhất trí.

Sau khi ly hôn anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng hiện tại các con còn nhỏ nên anh Đ ý giao 02 con chung Trần Phúc Hoàng M và Trần Hoàng An Nh, cùng sinh ngày 01/9/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hòa giải vào ngày 18/10/2024. Tuy nhiên tại phiên họp chị T có mặt còn anh Đ vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngày 31/10/2024, Toà án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt và đơn trình bày của anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Ngày 05/11/2024 chị T làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Phạm Hoàng Thuỷ T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết ly hôn đối với anh Trần Phúc Đ, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh Đ có nơi cư trú là thôn Chánh Hoà, xã Nam Trạch, huyện B, tỉnh Qu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Hoàng Thuỷ T và anh Trần Phúc Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, lý do xin xét xử vắng mặt của anh Đ và chị T là chính đáng, Hội Đ xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Hoàng Thuỷ T và anh Trần Phúc Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hoàng Thuỷ T và anh Trần Phúc Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân A, thị xã La G, tỉnh B vào ngày 22/3/2023 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến cuối năm 2023

thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng chị T sống ly thân không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm đều có nguyện vọng ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị Phạm Hoàng Thủy T được ly hôn anh Trần Phúc Đ là phù hợp.

- Về quan hệ con chung: Chị Phạm Hoàng Thủy T và anh Trần Phúc Đ thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Phúc Hoàng M, sinh ngày 01/9/2023 và Trần Hoàng An Nh, sinh ngày 01/9/2023. Xét nguyện vọng của chị T sau ly hôn mong muốn được nuôi 2 con, hiện các cháu còn nhỏ và đang ở với chị T, vì vậy Hội Đ xét xử giao hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng anh Đ tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội Đ xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Hoàng Thủy T và anh Trần Phúc Đ thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Phạm Hoàng Thủy T phải nộp 75.000 Đ án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Phúc Đ phải nộp 75.000 Đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 Đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội Đ Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội Đ Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Hoàng Thủy T và anh Trần Phúc Đ.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hoàng Thủy T, xử cho chị Phạm Hoàng Thủy T được ly hôn anh Trần Phúc Đ.

3. Về quan hệ con chung: Giao chị Phạm Hoàng Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con Trần Phúc Hoàng M, sinh ngày 01/9/2023 và Trần Hoàng An Nh, sinh ngày 01/9/2023. Buộc anh Trần Phúc Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 Đ, kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Phúc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí vụ kiện:

- Án phí ly hôn: Chị Phạm Hoàng Thủy T phải nộp tiền án phí ly hôn 75.000 Đ (bảy mươi lăm nghìn Đ) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002686 ngày 01 tháng 10 năm 2024. Chị T được nhận lại 225.000 Đ tiền án phí.

Anh Trần Phúc Đ phải nộp 75.000 Đ (bảy mươi lăm nghìn Đ) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Phúc Đ phải nộp 300.000 Đ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
  - Chi cục THADS huyện B;
  - TAND tỉnh Qu;
  - UBND phường T
- Số giấy CNKH 36 ngày 22/3/2023;
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Lan Phương**